



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM
VIETNAM SANITARY AND PHYTOSANITARY NOTIFICATION AUTHORITY AND ENQUIRY POINT



BẢN TIN SPS VIỆT NAM

SỐ 45, THÁNG 05, 2024

CƠ QUAN XUẤT BẢN: VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM



BẢN TIN SPS VIỆT NAM

SỐ 45, THÁNG 05, 2024

Cơ quan chủ quản

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chịu trách nhiệm nội dung

TS. Lê Thanh Hòa

Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam

Ban biên tập

TS. Ngô Xuân Nam - Trưởng Ban

(Phó Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam)

ThS. Đinh Đức Hiệp

PGS.TS. Nguyễn Anh Thu

TS. Nguyễn Thị Thu Hồng

KS. Nguyễn Tử Cương

ThS. Nguyễn Quốc Chính

ThS. Trần Diễm Hồng

ThS. Trần Thị Tú Oanh

KS. Lê Anh Ngọc

Thư ký Ban biên tập

TS. Đào Văn Cường

Văn phòng SPS Việt Nam,

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Địa chỉ: số 10 Nguyễn Công Hoan,

Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024 37344764

Fax: 024 37349019

Email: spsvietnam@mard.gov.vn

Website: www.spsvietnam.gov.vn

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN

Số: 29/GP-XBBT ngày 07/5/2024

của Cục Báo chí, Bộ Thông tin và Truyền Thông

In 1.000 cuốn, khổ 19 x 27cm

MỤC LỤC

• Úc nhập khẩu cá tầm sống trong nuôi trồng thủy sản - phân tích rủi ro về an toàn sinh học	03
• Canada đề xuất cấm sử dụng dầu thực vật brom hóa làm chất phụ gia thực phẩm	04
• Georgia thiết lập mức tối đa đối với các tạp chất trong thức ăn chăn nuôi	05
• Cô-lôm-bi-a tăng cường giám sát chặt chẽ các động vật nhập khẩu nhằm ngăn chặn sự lây lan của vi rút cúm gia cầm.	06
• EU công bố mức dư lượng tối đa đối với các chất kháng khuẩn hoạt động trong thức ăn	07
• Thái Lan dự thảo thông báo điều kiện nhập khẩu hạt ngô	08
• Thái Lan dự thảo thông báo điều kiện nhập khẩu hạt giống cà chua	11
• Thái Lan dự thảo thông báo điều kiện nhập khẩu hạt giống cây cần sa và hạt giống cây gai dầu để gieo trồng	13
• Loại bỏ chất tạo hương liệu Benzen-1,2-diol (FL số 04.029) khỏi danh sách các hương liệu và nguồn nguyên liệu của Liên minh Châu Âu (EU)	16
• Liên minh Châu Âu dự thảo sửa đổi Phụ lục II và III của Quy định (EC) số 396/2005 liên quan đến mức dư lượng tối đa đối với isopyrazam trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định	17
• Liên minh Châu Âu dự thảo sửa đổi Phụ lục II và V thành Quy định (EC) số 396/2005 liên quan đến mức dư lượng tối đa đối với thiacloprid trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định	18
• DG SANTE nêu điều kiện để Việt Nam xuất khẩu phở bò sang EU	19
• Yêu cầu giới hạn định lượng thuốc nhuộm Sudan cho ớt xuất khẩu Đài Loan	21
• Dự thảo của Brazil về Nghị quyết 1178, ngày 10 tháng 7 năm 2023. Cập nhật các hoạt chất Flupiradifurone	22
• Nhật Bản sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v	25
• Dự thảo Quy định của Ủy ban sửa đổi Quy định (EC) số 2073/2005 liên quan đến Listeria monocytogenes (Văn bản có liên quan đến EEA)	26
• Chi lê dự thảo biện pháp sửa đổi Nghị quyết số 7.214 năm 2014 thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu một số loài và loại cây cảnh để trồng, bất kể nguồn gốc nào, và bãi bỏ Nghị quyết số 7.312 năm 2023	28
• Niu Di-lân đưa ra các Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu đối với hạt giống để gieo trồng (155.02.05)	29
• EU đưa ra Dự thảo sửa đổi Quy định thực hiện (EU) số 1321/2013 liên quan đến việc xóa các mục SF-001 đến SF-010 khỏi danh sách các sản phẩm chính tạo hương liệu khối được cấp phép của Liên minh châu Âu	30
• Vương quốc Anh đưa ra thông báo về mô hình hoạt động mục tiêu biên giới Vương quốc Anh - Thực hiện tháng 4	31

ÚC: NHẬP KHẨU CÁ HỒI SỐNG TRONG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN – PHÂN TÍCH RỦI RO VỀ AN TOÀN SINH HỌC

TS. Ngô Xuân Nam
Văn phòng SPS Việt Nam

Ngày 21/5/2024, Bộ Nông Lâm Thủy sản Úc (DAFF) ban hành Thông báo bổ sung số G/SPS/N/AUS/582/Add.1 nhằm đưa ra bản báo cáo cuối cùng về việc Phân tích rủi ro về an toàn sinh học trong nhập khẩu cá tầm sống vào Úc. Theo bản báo cáo này, hai loài cá tầm *Acipenser* và *Huso* sẽ được nhập khẩu vào Úc nếu chúng đáp ứng được tất cả các yêu cầu về an toàn sinh học.



(ảnh minh họa: nguồn Internet)

Cá tầm là tên gọi chung cho 28 loài (species) cá thuộc chi (family) cá cổ nhất hiện nay vẫn còn tồn tại tại *Acipenseridae*. Chi cá này được chia làm 4 nhóm: *Acipenser*, *Huso*, *Scaphirhynchus*, và *Pseudoscaphirhynchus*. Hai loài *A. naccarii* và *A. dabryanus* có thể tuyệt chủng ngoài tự nhiên và loài *P. fedtschenkoi* có thể hoàn toàn tuyệt chủng. Cá tầm tự nhiên sống trong các sông, hồ và bờ biển vùng cận nhiệt đới, ôn đới và cận Bắc cực của Khu vực Âu Á và Bắc Mỹ.

Úc là một quốc gia có tiêu chuẩn khắt khe đối với các sản phẩm nhập khẩu. Đối với các sản phẩm là động vật sống và các nguyên liệu sinh sản của chúng, để được nhập khẩu vào Úc thì chúng phải nằm trong danh sách sách các mẫu vật sống phù hợp để nhập khẩu theo Luật Bảo vệ môi trường và Bảo tồn đa dạng sinh học năm 1999. Ngoài ra, để có thể được nhập khẩu vào Úc, nguy cơ an toàn sinh học trong nhập khẩu động vật sống cũng được đánh giá bởi DAFF.

Ngày 21/5/2024, Bộ Nông Lâm Thủy sản Úc ban hành báo cáo cuối cùng trong việc Phân tích rủi ro về An toàn sinh học trong nhập khẩu (Biosecurity import risk analysis – BIRA) cá tầm sống trong nuôi trồng thủy sản.

BIRA của cá tầm đã đánh giá rủi ro an ninh sinh học liên quan đến việc nhập khẩu cá tầm sống (loài *Acipenser* và *Huso*) từ tất cả các nước cho nuôi trồng thủy sản.

Bản báo cáo phân tích rủi ro về An toàn sinh học trong nhập khẩu cá tầm cuối cùng khuyến cáo rằng hai loài cá tầm *Acipenser* và *Huso* được phép nhập khẩu vào Úc, khi chúng tuân thủ một loạt các biện pháp ATSH thích hợp. Các biện pháp này bao gồm nguồn giống gốc sạch bệnh, kiểm dịch trước khi xuất khẩu và sau khi nhập khẩu, xử lý ký sinh trùng, diệt trứng và xét nghiệm các mầm bệnh. Ngoài việc đáp ứng các biện pháp an toàn sinh học theo Đạo luật An toàn sinh học năm 2015, việc nhập khẩu cá tầm sống và các nguyên liệu sinh sản của chúng vào Úc cũng đáp ứng các yêu cầu theo Đạo luật bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học năm 1999 và pháp luật các bang và vùng lãnh thổ liên quan.

Trước khi Cục biến đổi khí hậu, năng lượng, môi trường và nước xem xét hồ sơ xin nhập khẩu cá tầm sống và các nguyên liệu sinh sản của chúng cho nuôi trồng thủy sản, một số hoạt động cần phải được hoàn thiện và các điều kiện nhập khẩu cuối cùng được công bố trên trang web “Điều kiện An toàn sinh học trong nhập khẩu vào Úc” (Biosecurity Import Conditions - BICON). Những quy định thực hiện cho những hoạt động về an toàn sinh học có tại: <https://www.agriculture.gov.au/biosecurity-trade/policy/risk-analysis/animal/live-sturgeon-for-aquaculture>

Bản phân tích rủi ro về An toàn sinh học trong nhập khẩu cá tầm tạm thời đã được thông báo tới các thành viên WTO vào ngày 13/3/2024 (G/SPS/N/AUS/582) đến ngày 11/4/2024. Bản báo cáo cuối cùng Phân tích rủi ro về An toàn sinh học trong nhập khẩu cá tầm có thể được truy cập tại: <https://www.agriculture.gov.au/biosecuritytrade/policy/risk-analysis/animal/live-sturgeon-for-aquaculture>

CANADA ĐỀ XUẤT CẤM SỬ DỤNG DẦU THỰC VẬT BROM HÓA LÀM CHẤT PHỤ GIA THỰC PHẨM

*ThS. Nguyễn Hoàng Long
Văn phòng SPS Việt Nam*



(Ảnh minh họa : nguồn Internet)

Hiện nay, dầu thực vật brom hóa (Brominated vegetable oil - BVO) đang được sự quan tâm đặc biệt của cả người tiêu dùng và các nhà sản xuất thực phẩm. BVO có khả năng giữ cho phân tử hương vị cam quýt không bị phân tách ra trong nước ngọt và đồ uống khác. Loại dầu này đã được sử dụng trong ngành công nghiệp giải khát từ năm 1931 với liều lượng khoảng 8 ppm.

BVO là một hỗn hợp phức tạp của chất béo trung tính có nguồn gốc thực vật trong đó các nguyên tử brom được kết hợp với các phân tử chất béo thông qua các phản ứng hóa học phức tạp. BVO có khối lượng riêng cao hơn so với nước, khoảng 1,33g/ml, điều này cho phép BVO được hòa trộn vào các chất tạo hương vị nhẹ hơn mà không làm thay đổi độ đậm đặc của chúng. Kết quả là các giọt BVO trong nước vẫn duy trì sự phân tán, không bị tách ra và nổi trên bề mặt.

Tuy nhiên, BVO có tác động không tốt đến sức khỏe con người, do đó một số quốc gia đã cấm sử dụng chất phụ gia này trong thực phẩm như EU, Anh, Úc và New Zealand. Tháng 5/2024, sau khi có đánh giá độ an toàn của BVO dựa trên các tài liệu thu được, Bộ Y tế Canada không ủng hộ việc sử dụng BVO làm chất phụ gia thực phẩm.



(Ảnh minh họa : nguồn Internet)

Một số nghiên cứu trong phòng thí nghiệm đã cho thấy BVO có tác động đến một số cơ quan nhất định như gan, tim, tuyến giáp của động vật khi cho uống BVO, tuy nhiên, tác động này xảy ra ở liều cao hơn rất nhiều so với liều lượng mà con người nhận được từ đồ uống có chứa BVO.

Gần đây, một nghiên cứu khác năm 2022 của Bộ Thực phẩm và Dược phẩm Mỹ hợp tác với Viện y tế quốc gia cho thấy rằng có tác động xấu đến sức khỏe ở chuột được bổ sung BVO trong chế độ ăn với liều lượng thấp hơn so với liều được sử dụng trong nghiên cứu trên động vật trước đây.

Bộ Y tế Canada xem xét các kết quả nghiên cứu gần đây như là một phần của bản đánh giá an toàn của BVO khi dùng làm phụ gia thực phẩm. Bản đánh giá này không chỉ ra được tác động tức thời đến sức khỏe khi sử dụng BVO làm chất phụ gia thực phẩm. Thêm nữa, Bộ Y tế Canada cũng không đưa ra được lượng tiêu thụ BVO hàng ngày có thể chấp nhận được dưới dạng chất phụ gia thực phẩm, và đã có các tác dụng phụ trên động vật thí nghiệm ở liều thấp hơn nên Bộ Y tế Canada kết luận rằng không nên tiếp tục sử dụng BVO làm chất phụ gia thực phẩm.

GEORGIA THIẾT LẬP MỨC TỐI ĐA ĐỐI VỚI CÁC TẠP CHẤT TRONG THỨC ĂN CHĂN NUÔI

TS. Đào Văn Cường
Văn phòng SPS Việt Nam



(Ảnh minh họa : nguồn Internet)

Tháng 5/2024, Georgia thiết lập mức tối đa đối với các tạp chất trong thức ăn chăn nuôi. Quy định này dựa trên Chỉ thị số 2002/32/EC của Nghị viện châu Âu. Theo Chỉ thị này, "Tạp chất" được hiểu là những chất hoặc sản phẩm, ngoại trừ các tác nhân gây bệnh mà có trong hoặc trên sản phẩm dùng làm thức ăn chăn nuôi và có nguy hiểm tiềm ẩn đối với động vật hoặc con người hoặc môi trường hoặc có ảnh hưởng xấu đến chăn nuôi.

Sản phẩm dùng làm thức ăn chăn nuôi phải có chất lượng tốt và khi sử dụng đúng cách sẽ không gây nguy hiểm cho sức khỏe con người, động vật hoặc môi trường hoặc ảnh hưởng xấu đến chăn nuôi. Tuy nhiên, việc loại bỏ hoàn toàn các chất không mong muốn trong sản phẩm là điều không thể, nhưng quan trọng là hàm lượng các chất không mong muốn này phải được giảm đi, không vượt quá mức tối đa cho phép để ngăn ngừa các tác dụng phụ có thể xảy ra. Do đó, việc đưa vào sử dụng các sản phẩm thức ăn chăn nuôi có chứa các tạp chất vượt mức tối đa quy định sẽ bị nghiêm cấm.

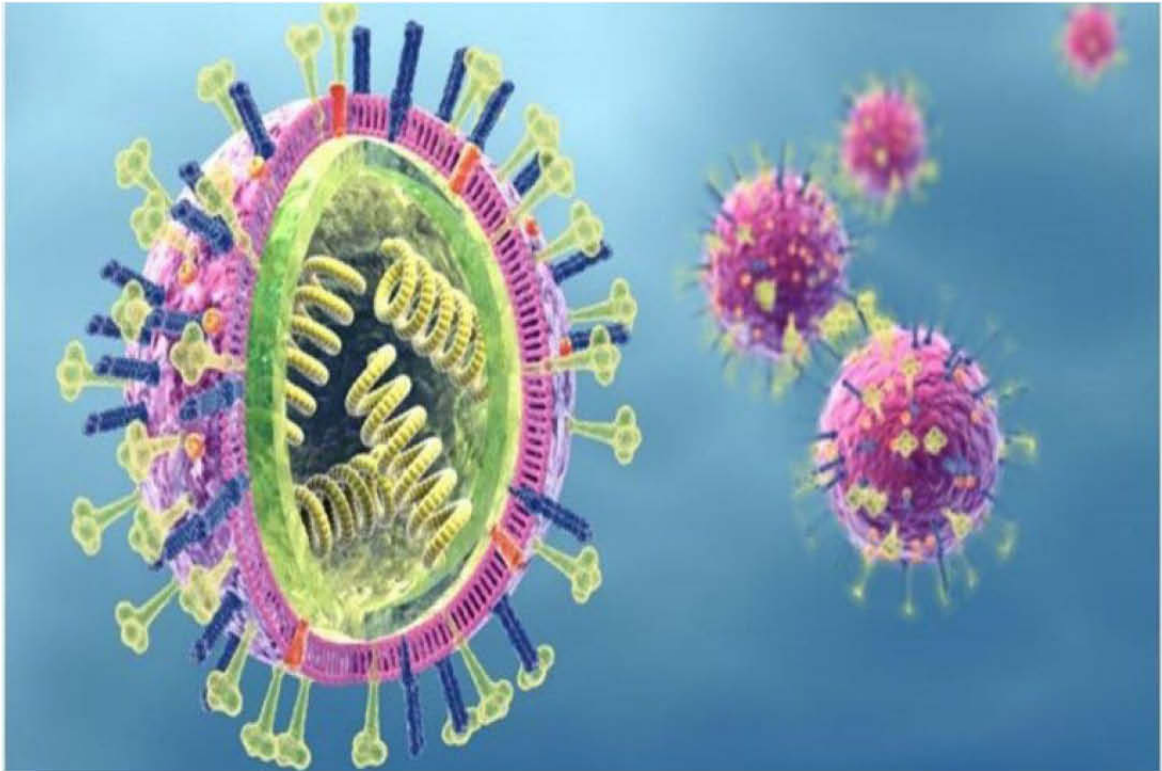
Các tạp chất	Mức tối đa trong thức ăn chăn nuôi có độ ẩm 12% - ppm (trừ một số ngoại lệ)
Asen	2
Chì	10
Flo	10
Thủy ngân	0.1
Cadimi	1
Aflatoxin B-1	0.05
Camphechlor	0.1
DDT	0.05
Endosulfan	0.1
Endrin	0.01

MRL của các trường hợp ngoại lệ và các tạp chất khác có thể tham khảo trong Chỉ thị số 2002/32/EC của Nghị viện châu Âu:

https://eur-lex.europa.eu/resource.html?uri=cellar:aca28b8c-bf9d-444f-b470-268f71df28fb.0004.02/DOC_1&format=PDF

CÔ-LÔM-BI-A TĂNG CƯỜNG GIÁM SÁT CHẶT CHẼ CÁC ĐỘNG VẬT NHẬP KHẨU NHẪM NGĂN CHẶN SỰ LÂY LAN CỦA VI RÚT CÚM GIA CẦM

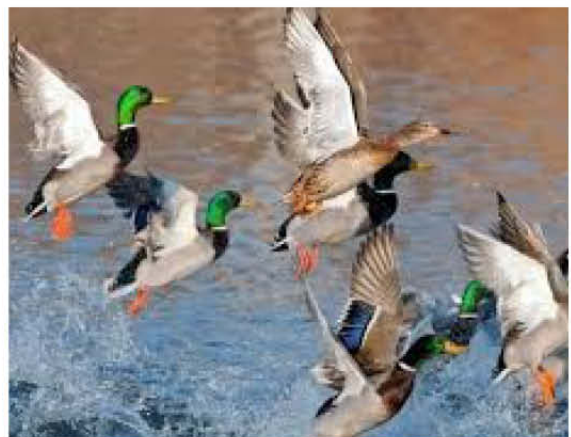
*TS. Phạm Diệu Thùy
Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên*



Vi rút cúm gia cầm xuất hiện từ rất lâu nhưng đến năm 1680 mới bắt đầu bùng phát thành đại dịch và từ đó đến nay luôn là mối lo ngại của toàn thế giới. Bệnh cúm gia cầm nằm trong danh sách những bệnh bắt buộc phải báo cáo của Tổ chức Thú y thế giới OIE do những hậu quả nặng nề mà nó gây ra cho ngành chăn nuôi gia cầm. Nguy hiểm hơn, đây là một bệnh truyền lây sang người do một số biến chủng của vi rút cúm. Trên thế giới, đã có những đại dịch gây ra bởi vi rút cúm A, lấy đi tính mạng của nhiều người và gây thiệt hại to lớn cho nền kinh tế.

Trước tình hình gia tăng các trường hợp nhiễm cúm gia cầm, Cô-lôm-bi-a thông báo tạm dừng cấp chứng nhận thú y cho việc nhập khẩu các loài động vật có vú, cũng như các sản phẩm và phụ phẩm của chúng có khả năng lây lan bệnh cúm gia cầm và đến từ những quốc gia, khu vực

báo cáo có bệnh cúm gia cầm chủng độc lực cao. Việc tạm dừng này sẽ có hiệu lực đến khi có đánh giá để xác định có cần thiết thực hiện các biện pháp lâu dài khác hay không.



(Ảnh minh họa : nguồn Internet)

EU CÔNG BỐ MỨC DƯ LƯỢNG TỐI ĐA ĐỐI VỚI CÁC CHẤT KHÁNG KHUẨN HOẠT ĐỘNG TRONG THỨC ĂN

CN. Ngô Quang Anh
Văn phòng SPS Việt Nam

Theo thông báo số G/SPS/N/EU/684/Add.1 ngày 02/5/2024, EU đã thông qua mức dư lượng tối đa cụ thể của sự nhiễm chéo các chất kháng khuẩn hoạt động trong thức ăn và phương pháp phân tích các chất này.

Cụ thể, các mức dư lượng tối đa đối với các chất kháng khuẩn hoạt động được liệt kê trong Phụ lục II của Quy định (EU) 2019/4 phải tuân thủ theo các quy định sau:

(a) khi lô cuối cùng được sản xuất, chế biến, lưu trữ hoặc vận chuyển trước khi sản xuất, chế biến, lưu trữ hoặc vận chuyển là thức ăn có thuốc, ở mức 1% của chất kháng khuẩn hoạt động có trong lô cuối cùng, ở độ ẩm 12%;

(b) khi lô cuối cùng được sản xuất, chế biến, lưu trữ hoặc vận chuyển trước khi sản xuất, chế biến, lưu trữ hoặc vận chuyển là sản phẩm trung gian, ở mức 1% của chất kháng khuẩn hoạt động trong thức ăn được tạo ra từ lô sản phẩm trung gian cuối cùng đó, ở độ ẩm 12%.



(Ảnh minh họa : nguồn Internet)

Tuy nhiên, đối với các trường hợp ngoại lệ, các mức tối đa cụ thể của sự nhiễm chéo trong thức ăn đối với các chất kháng khuẩn hoạt động được dự định cho các loài động vật sau:

(a) thực phẩm từ động vật khác ngoài cá khi được sản xuất, chế biến, lưu trữ hoặc vận chuyển sau khi sản xuất, chế biến, lưu trữ hoặc vận chuyển hoặc sản phẩm trung gian dành cho nuôi trồng thủy sản;

(b) động vật trong thời gian sản xuất trứng hoặc sữa dành cho tiêu thụ của con người;

(c) động vật sản xuất thực phẩm được dự định giết mổ trong thời gian giết mổ tương ứng với thời gian không sử dụng thuốc dài nhất đối với loài động vật này.



(Ảnh minh họa: nguồn Internet)

THÁI LAN DỰ THẢO THÔNG BÁO ĐIỀU KIỆN NHẬP KHẨU HẠT NGÔ

CN. Nguyễn Hà Thùy Dương
Văn phòng SPS Việt Nam

Bộ Nông nghiệp Thái Lan đã hoàn thành phân tích rủi ro dịch hại đối với việc nhập khẩu hạt ngô.



(Ảnh minh họa : nguồn Internet)

Ngày 16/5/2024, Thái Lan có thông báo số G/SPS/N/THA/289/Rev.1 dự thảo về điều kiện nhập khẩu hạt ngô. Dự thảo này thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với nhập khẩu hạt ngô, bao gồm:

(1) Hạt ngô được nhập khẩu từ tất cả các nước; yêu cầu giấy phép nhập khẩu và phải được vận chuyển bằng đường hàng không, đường biển hoặc đường bộ.

(2) Hạt ngô không được là sản phẩm biến đổi gen và phải được đóng gói trong bao bì mới, sạch sẽ, không có côn trùng sống hay các chất gây ô nhiễm và các vật thể có khả năng mang dịch hại tiềm ẩn.

(3) Các lô hạt ngô phải đáp ứng một trong các điều kiện nhập khẩu và/hoặc kết hợp 03 điều kiện sau đối với từng loài dịch hại trong số 21 loài: *Clavibacter nebraskensis*, *Pantoea stewartii*, *Pseudomonas syringae* pv. *lapse*, *Pseudomonas syringae* pv. *syringae*, *Xanthomonas vasicola* pv. *vasculorum*, *High plains virus*, *Wheat streakmosaic virus*, *Bipolarismaydisrace T*, *Fusarium culmorum*, *Harpophora maydis*, *Peronosclerospora heteropogoni*, *Peronosclerospora philippinensis*, *Sclerophthora macrospora*, *Sclerophthora rayssiae* var. *zeae*, *Sclerospora graminicola*, *Sporisorium reilianum*, *Stenocarpella macrospora*, *Striga angustifolia*, *Striga aspera*, *Striga densiflora* và *Striga hermonthica*

a) Hạt ngô được sản xuất tại quốc gia không có 21 đối tượng kiểm dịch thực vật trên;

b) Hạt ngô được lấy từ cây mẹ đã được kiểm tra và thử nghiệm trong mùa sinh trưởng không phát hiện 21 loài trên;

c) Hạt ngô đã được kiểm nghiệm chính thức và không bị nhiễm dịch hại nói trên.



(Ảnh minh họa : nguồn Internet)

(4) Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật phải kèm theo mỗi lô hàng, chứng nhận lô hàng đã được kiểm tra chính thức và không chứa 21 loài dịch hại trên hoặc nơi sản xuất không xuất hiện các loài gây hại trên; các lô hàng sẽ được kiểm tra khi đến điểm nhập cảnh vào Thái Lan và phân tích mẫu tại phòng thí nghiệm, trường hợp không tuân thủ có thể bị trả lại hoặc tiêu huỷ với chi phí do người nhập khẩu chịu.

(5) Nếu phát hiện giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật không nêu chi tiết về việc xử lý thuộc diệt nấm và hạt ngô biến đổi gen, lô hàng sẽ bị trả lại hoặc tiêu huỷ với chi phí do người nhập khẩu chịu.

(6) Nếu tìm thấy các sinh vật sống gây hại hoặc các chất gây ô nhiễm (không được liệt kê trong Phụ lục) có khả năng gây nguy cơ về kiểm dịch thực vật cho Thái Lan thì phải xử lý bằng quy trình thích hợp (nếu có) tùy từng trường hợp, hoặc trả lại hay tiêu huỷ, chi phí do người nhập khẩu chịu.

PHỤ LỤC

Danh sách các loài dịch hại cần cách ly của hạt ngô

Tên khoa học	Tên thường gọi
Côn trùng	
Order Coleoptera	
Family Bostrichidae	
<i>Prostephanus truncatus</i>	larger grain borer
Family Cucujidae	
<i>Cryptolestes pusillus</i>	flat grain beetle
Family Curculionidae	
<i>Caulophilus oryzae</i>	broad nosed grain weevil
<i>Graphognathus leucoloma</i>	white-fringed weevil
Family Languriidae	
<i>Pharaxonotha kirschii</i>	Mexican grain beetle
Family Ptinidae	
<i>Gibbium psylloides</i>	shiny spider beetle
Family Silvanidae	
<i>Cathartus quadricollis</i>	square-necked flour beetle
Family Tenebrionidae	
<i>Cyaneus angustus</i>	large black flour beetle
Family Dermestidae	
<i>Trogoderma glabrum</i>	colored cabinet beetle
<i>Trogoderma granarium</i>	khapra beetle
<i>Trogoderma inclusum</i>	larger cabinet beetle
<i>Trogoderma ornatum</i>	ornate cabinet beetle
<i>Trogoderma variabile</i>	grain dermestid, warehouse beetle
<i>Trogoderma versicolor</i>	trogoderma dermestid beetle

Tên khoa học	Tên thường gọi
Tác nhân gây bệnh	
Vi khuẩn	
<i>Clavibacter nebraskensis</i>	Goss's bacterial wilt & leaf blight
<i>Dickeya paradisiaca</i>	rhizome rot
<i>Enterobacter dissolvens</i>	stalk rot
<i>Erwinia carotovora</i> pv. <i>atroseptica</i>	potato blackleg disease
<i>Pantoea stewartii</i> subsp. <i>stewartii</i>	bacterial wilt of maize
<i>Pseudomonas rubrisubalbicans</i>	mottled stripe of sugarcane
<i>Pseudomonas syringae</i> pv. <i>coronafaciens</i>	chocolate spot, halo blight
<i>Pseudomonas syringae</i> pv. <i>lapsa</i>	bacterial stalk rot
<i>Pseudomonas syringae</i> pv. <i>striaefaciens</i>	bacterial: barley black node
<i>Pseudomonas syringae</i> pv. <i>syringae</i>	Holcus spot, bacterial canker or blast
<i>Pseudomonas viridiflava</i>	bacterial leaf blight of tomato
<i>Xanthomonas vasicola</i> pv. <i>vasculorum</i>	bacterial leaf streak
Nấm gây bệnh	
<i>Bipolaris maydis</i> race T	Southern corn leaf blight
<i>Cercospora zeae-maydis</i>	grey leaf spot
<i>Claviceps gigantea</i>	horse's tooth
<i>Cochliobolus ravenelii</i>	false smut
<i>Fusarium culmorum</i>	culm rot: cereals

Tên khoa học	Tên thường gọi
Harpophora maydis	black bundle disease
Kabatiella zeae	eyespot
Mycosphaerella zeae-maydis	yellow leaf blight of maize
Peronosclerospora heteropogoni	Rajasthan downy mildew
Peronosclerospora philippinensis	Philippine downy mildew
Pestalotia gubae	chlorotic spot
Phaeocystroma ambiguum	stalk rot and root rot
Phaeosphaeria maydis	leaf spot of sorghum
Physalospora zeicola	physalospora ear rot
Pyrenochaeta terrestris	stalk rot and root rot
Pyrenophora teres	net blotch
Pyricularia setariae	blast of millet
Rosellinia necatrix	dematophora root rot
Sclerophthora macrospora	crazy top
Sclerophthora rayssiae var. zeae	brown stripe downy mildew
Sclerospora graminicola	downy mildew of pearl millet
Sporisorium reilianum	head smut of maize
Stenocarpella macrospora	dry rot of maize
Vi-rút	
High plains virus	high plains
Wheat streak mosaic virus	wheat streak mosaic

Tên khoa học	Tên thường gọi
Cỏ dại	
Agropyron repens	couch grass
Alopecurus myosuroides	black-grass
Amaranthus albus	tumble pigweed
Amaranthus blitoides	spreading amaranth
Amaranthus retroflexus	redroot pigweed
Ambrosia trifida	giant ragweed
Asphodelus tenuifolius	onionweed
Avena fatua	wild oat
Axonopus fissifolius	common carpetgrass
Chenopodium album	fat hen
Cirsium arvense	creeping thistle
Cirsium vulgare	spear thistle
Convolvulus arvensis	field bindweed
Digitaria velutina	velvet fingergrass
Eragrostis cilianensis	stink grass
Galinsoga quadriradiata	shaggy soldier
Heliotropium europaeum	common heliotrope
Hibiscus trionum	Venice mallow
Orobanche spp.	broomrape
Pennisetum clandestinum	Kikuyu grass
Pennisetum macrourum	African feather grass
Parthenium hysterophorus	parthenium weed
Polygonum aviculare	prostrate knotweed
Polygonum convolvulus	black bindweed

Tên khoa học	Tên thường gọi
<i>Polygonum persicaria</i>	redshank
<i>Raphanus raphanistrum</i>	wild radish
<i>Senecio vulgaris</i>	grinning (or grundie)-swallow
<i>Setaria faberi</i>	giant foxtail
<i>Solanum carolinense</i>	horsenettle
<i>Solanum elaeagnifolium</i>	silverleaf nightshade

Tên khoa học	Tên thường gọi
<i>Solanum viarum</i>	tropical soda apple
<i>Spergula arvensis</i>	corn spurry
<i>Striga angustifolia</i>	witchweed
<i>Striga aspera</i>	witchweed
<i>Striga densiflora</i>	witchweed
<i>Striga hermonthica</i>	witchweed
<i>Thlaspi arvense</i>	field pennycress

THÁI LAN DỰ THẢO THÔNG BÁO ĐIỀU KIỆN NHẬP KHẨU HẠT GIỐNG CÀ CHUA

ThS. Đinh Đức Hiệp
Văn phòng SPS Việt Nam

Ngày 16/5/2024, Thái Lan có thông báo số G/SPS/N/THA/288/Rev.1 dự thảo về điều kiện nhập khẩu hạt giống cà chua. Dự thảo này thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với nhập khẩu hạt giống cà chua, bao gồm:



(Ảnh minh họa: nguồn Internet)

1) Hạt giống cà chua được nhập khẩu từ tất cả các nước; yêu cầu giấy phép nhập khẩu và phải được vận chuyển bằng đường hàng không, đường biển hoặc đường bộ.

(2) Hạt giống cà chua không được là sản phẩm biến đổi gen và phải được đóng gói trong bao bì mới, sạch sẽ, không có côn trùng sống hay các chất gây ô nhiễm và các vật thể có khả năng mang dịch hại tiềm ẩn.

(3) Các lô hạt cà chua phải đáp ứng một trong các điều kiện nhập khẩu và/hoặc kết hợp 02 điều kiện sau đối với từng loài dịch hại trong số 9 loài: *Clavibacter michiganensis*, Pepino mosaic virus, Tomato brown rugose fruit virus, Tomato mottle mosaic virus, Potato spindle tuber viroid, Tomato apical stunt viroid, Tomato chlorotic dwarf viroid, Tomato planta macho viroid, *Columnea latent viroid*:

a) Hạt giống cà chua được sản xuất ở quốc gia không có 9 loài dịch hại trên.

b) Hạt giống cà chua được kiểm nghiệm chính thức bằng phương pháp phản ứng chuỗi polymerase (PCR) hoặc real time PCR trong khoảng không dưới 3.000 hạt được lấy mẫu từ một lô, hoặc trong trường hợp lô hạt nhỏ, lấy mẫu lô theo mẫu không ít hơn 10% trọng lượng và không bị nhiễm 9 loại dịch hại trên.

(4) Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật phải kèm theo mỗi lô hàng, chứng nhận lô hàng đã được kiểm tra chính thức và không chứa 9 loài gây hại trên, lô hàng được sản xuất tại quốc gia không xuất hiện các loài gây hại trên; các lô hàng sẽ được kiểm tra khi đến điểm nhập cảnh vào Thái Lan và phân tích mẫu tại phòng thí nghiệm, nếu không tuân thủ có thể bị trả lại hoặc tiêu huỷ với chi phí do người nhập khẩu chịu.

(5) Nếu phát hiện hạt cà chua biến đổi gen, lô hàng sẽ bị trả lại hoặc tiêu huỷ với chi phí do người nhập khẩu chịu.

(6) Nếu tìm thấy các sinh vật sống gây hại hoặc các chất gây ô nhiễm có khả năng gây nguy cơ về kiểm dịch thực vật cho Thái Lan mà không được liệt kê trong phụ lục dưới đây, lô hàng sẽ được xử lý bằng quy trình thích hợp (nếu có) tùy

từng trường hợp, hoặc trả lại hay tiêu huỷ, chi phí do người nhập khẩu chịu. Bộ Nông nghiệp Thái Lan có quyền tạm dừng nhập khẩu cho đến khi xác định được rủi ro từ các sinh vật bị ngăn chặn.



(Ảnh minh họa: nguồn Internet)

PHỤ LỤC

Danh sách các loài dịch hại cần cách ly của hạt giống cà chua

Tên khoa học	Tên thường gọi
Côn trùng	
Order Coleoptera	
Family Dermestidae	
Trogoderma granarium	khapra beetle
Trogoderma variabile	grain dermestid
Tác nhân gây bệnh	
Vi khuẩn	
Clavibacter michiganensis	bacterial canker of tomato
Candidatus Liberibacter solanacearum	zebra chip
Pseudomonas corrugata	pith necrosis of tomato
Pseudomonas syringae pv. tomato	bacterial speck
Pseudomonas viridiflava	bacterial leaf blight of tomato
Nấm gây bệnh	
Didymella lycopersici	canker of tomato
Fusarium oxysporum f. sp. lycopersici race 3	
Fusarium oxysporum f.sp. radicis-lycopersici	Fusarium crown rot
Verticillium albo-atrum	verticillium wilt of lucerne

Vi-rút	
Alfalfa mosaic virus	alfalfa yellow spot
Arabis mosaic virus	hop bare-bine
Pelargonium zonate spot virus	
Pepino mosaic virus	
Tomato black ring virus	ring spot of beet
Tomato brown rugose fruit virus	
Tomato busy stunt virus	Lycopersicon virus 4
Tomato mosaic virus	tomato mosaic
Tomato mottle mosaic virus	
Tomato ringspot virus	ringspot of tomato
Tobacco streak virus	tobacco streak
Tomato torrado virus	torrado disease
Phytoplasma	
Candidatus phytoplasma solani	
Viroid	
Columnnea latent viroid	tomato vein necrosis disease
Potato spindle tuber viroid	spindle tuber of potato
Tomato apical stunt viroid	
Tomato chlorotic dwarf viroid	
Tomato planta macho viroid	

THÁI LAN DỰ THẢO THÔNG BÁO ĐIỀU KIỆN NHẬP KHẨU HẠT GIỐNG CẦN SA VÀ HẠT GIỐNG CÂY GAI DẦU ĐỂ GIEO TRỒNG

ThS. Bùi Đức Toàn
Văn phòng SPS Việt Nam



(Ảnh minh họa: nguồn Internet)

Ngày 16/5/2024, Thái Lan có thông báo số G/SPS/N/THA/559/Rev.1 dự thảo điều kiện nhập khẩu hạt giống cây cần sa và hạt giống cây gai dầu. Dự thảo này thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với nhập khẩu hạt giống cây cần sa và hạt giống cây gai dầu để gieo trồng, cụ thể như sau:

(1) Hạt giống được phép nhập khẩu từ tất cả các nước; yêu cầu giấy phép nhập khẩu và phải được vận chuyển bằng đường hàng không, đường biển hoặc đường bộ.

(2) Hạt giống không được là sinh vật biến đổi gen; phải được đóng gói trong bao bì mới, sạch sẽ, không có côn trùng sống và các chất gây ô nhiễm hoặc các vật thể mang dịch hại tiềm ẩn khác.

(3) Các lô hạt giống phải đáp ứng các điều kiện nhập khẩu kiểm dịch thực vật và/hoặc kết hợp các điều kiện đối với từng loài trong số 13 loài sau đây: *Pseudomonas syringae* pv. *cannabina*, *Xanthomonas campestris* pv. *cannabis*, *Ditylenchus dipsaci*, *Arabis mosaic virus*, *Alfalfa mosaic virus*, *Hop latent viroid*, *Orobanche ramosa*, *Cuscuta europaea*, *Cuscuta pentagona*, *Striga angustifolia*, *Striga aspera*, *Striga densiflora* and *Striga hermonthica*.

(4) Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật phải kèm theo mỗi lô hàng, chứng nhận lô hàng không có hoặc nơi sản xuất không xuất hiện 13 loài gây hại trên. Các lô hàng sẽ được kiểm tra khi đến

điểm nhập cảnh vào Thái Lan và phân tích mẫu tại phòng thí nghiệm, các lô hàng không tuân thủ có thể bị trả lại hoặc tiêu huỷ với chi phí do người nhập khẩu chịu.

(5) Nếu phát hiện thấy các sinh vật sống gây hại hoặc các chất gây ô nhiễm có khả năng gây nguy cơ về kiểm dịch thực vật cho Thái Lan mà không được liệt kê trong phụ lục dưới đây thì phải xử lý bằng quy trình thích hợp (nếu có) tùy từng trường hợp, hoặc trả lại hay tiêu huỷ, chi phí do người nhập khẩu chịu.



(Ảnh minh họa: nguồn Internet)

PHỤ LỤC

Danh sách các loài dịch hại cần cách ly của hạt giống cà chua

Tên khoa học	Tên thường gọi
Côn trùng	
Bộ Coleoptera	
Họ Cucujidae	
<i>Cryptolestes turcicus</i>	flour mill beetle
Họ Dermestidae	
<i>Attagenus unicolor</i>	black carpet beetle
<i>Trogoderma granarium</i>	khapra beetle
<i>Trogoderma variabile</i>	warehouse beetle
Họ Latridiidae	
<i>Adistemia watsoni</i>	household fungus beetle
<i>Dienerella argus</i>	minute brown scavenger beetle
Họ Tenebrionidae	
<i>Tribolium confusum</i>	confused flour beetle

Bộ Diptera	
Họ Syrphidae	
Metasyrphus latifasciatus	syrphid fly
Sphaerophoria scripta	hover fly
Syrirta pipiens	hover fly
Bộ Hemiptera	
Họ Pyrrhocoridae	
Pyrrhocoris apterus	fire bug
Bộ Lepidoptera	
Họ Pyralidae	
Ephestia kuehniella	Mediterranean flour moth
Plodia interpunctella	Indianmeal moth
Họ Tortricidae	
Grapholita delineana	hemp borer
Bộ nhỏ	
Family Eriophyidae	
Aculops cannabicola	hemp russet mite
Mầm bệnh	
Vi khuẩn	
Pseudomonas syringae pv. cannabina	bacteriosis
Xanthomonas campestris pv. cannabis	leafspot
Nấm gây bệnh	
Curvularia cymbopogonis	
Fusarium oxysporum f. sp. cannabis	Fusarium wilt of hemp
Leptosphaeria woroninii	leptosphaeria blight
Pseudoperonospora cannabina	downy mildew of hemp
Septoria cannabis	yellow leaf spot
Giun tròn	
Ditylenchus dipsaci	stem nematode
Vi-rút	
Arabis mosaic virus	hop bare-bine
Alfalfa mosaic virus	alfalfa yellow spot
Viroid	
Hop latent viroid	

Cỏ dại	
Cuscuta europaea	
Cuscuta pentagona	bushclover dodder
Fallopia convolvulus	black bindweed
Orobanche ramosa	branched broomrape
Striga angustifolia	witchweed
Striga aspera	witchweed
Striga densiflora	witchweed
Striga hermonthica	witchweed

LOẠI BỎ CHẤT TẠO HƯƠNG LIỆU BENZEN-1,2-DIOL (FL SỐ 04.029) KHỎI DANH SÁCH CÁC HƯƠNG LIỆU VÀ NGUỒN NGUYÊN LIỆU CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU (EU)

CN. Phan Thu Trang
Văn phòng SPS Việt Nam

Thông báo số G/SPS/N/EU/761 ngày 03/5/2024 của Liên minh Châu Âu dự thảo Quy định của Ủy ban Liên minh Châu Âu (EU) sửa đổi Phụ lục I của Quy định (EC) số 1334/2008 của Nghị viện và Liên minh Châu Âu liên quan đến việc loại bỏ chất tạo hương liệu (FL số 04.029) khỏi danh sách Liên minh (Văn bản có liên quan đến EEA).

Văn bản loại bỏ chất tạo hương liệu Benzen-1,2-diol (FL số 04.029) khỏi danh sách các hương liệu và nguồn nguyên liệu của Liên minh được phê duyệt để sử dụng trong và trên thực phẩm.

Vào ngày 28 tháng 9 năm 2023, Cơ quan An toàn thực phẩm Châu Âu (EFSA) đã thông qua ý kiến về việc gia hạn giấy phép đối với mã SmokEz Zesti 10 (SF-002), SmokEz cô đặc 809045 (SF-003), (SF-005) và SmokEz Enviro-23 (SF-006) là sản phẩm chính tạo hương khói. Cơ quan đã kết luận rằng các sản phẩm chính tạo hương khói này có chứa Benzen-1,2-diol (FL số 04.029) đã được xác định là có mối lo ngại về biến đổi gen trên cơ thể khi sử dụng. Vì lý do này, việc loại bỏ

Benzene-1,2-diol (FL số 04.029) khỏi danh sách hương liệu của Liên minh là phù hợp.



(Ảnh minh họa: nguồn Internet)

Để cho phép quá trình chuyển đổi suôn sẻ, văn bản quy định rằng các loại thực phẩm, bao gồm cả thực phẩm nhập khẩu vào Liên minh có chứa Benzen-1,2-diol (FL số 04.029) và được đưa ra thị trường một cách hợp pháp hoặc được gửi từ nước thứ ba trước khi dự thảo Quy định có hiệu lực có thể tiếp tục được lưu hành trên thị trường cho đến ngày hết hạn sử dụng hoặc độ bền tối thiểu của chúng.

LIÊN MINH CHÂU ÂU DỰ THẢO SỬA ĐỔI PHỤ LỤC II VÀ III CỦA QUY ĐỊNH (EC) SỐ 396/2005 LIÊN QUAN ĐẾN MỨC DƯ LƯỢNG TỐI ĐA ĐỐI VỚI ISOPYRAZAM TRONG HOẶC TRÊN MỘT SỐ SẢN PHẨM NHẤT ĐỊNH

TS. Nguyễn Tiến Đạt
Trưởng Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

Thông báo số G/SPS/N/EU/762 ngày 08/5/2024 của Liên minh Châu Âu dự thảo Quy định sửa đổi Phụ lục II và III của Quy định (EC) số 396/2005 liên quan đến mức dư lượng tối đa đối với isopyrazam trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định (Văn bản có liên quan đến EEA).

Isopyrazam là thuốc diệt nấm phổ rộng trên lá thuộc nhóm hóa chất phenyl amit thay thế ortho. Thuốc kiểm soát nhiều loại nấm gây bệnh bao gồm Septoria tritici, Puccinia recondita và Puccinia striiformis trên lúa mì, Pyrenophora teres, Rhynchosporium secalis và Ramularia collocygni trên lúa mạch, Puccinia recondita trên lúa mạch đen và lúa mạch đen lai và Pyrenophora avenae trên yến mạch. Thuốc cũng kiểm soát Mycosphaerella fijiensis trên chuối.



(Ảnh minh họa: nguồn Internet)

Dự thảo Quy định đề xuất liên quan đến việc xem xét và cập nhật mức dư lượng tối đa (MRL) hiện có đối với isopyrazam trong một số mặt hàng thực phẩm cụ thể như sau:

- Phê duyệt hoạt chất isopyrazam đã thu hồi lại theo Quy định thực hiện của Ủy ban (EU)

2022/782. Tất cả các giấy phép cấp cho các sản phẩm bảo vệ thực vật có chứa isopyrazam đã bị huỷ bỏ.

- MRL đối với isopyrazam trong hoặc trên azaroles/quả sơn tra Địa Trung Hải, kaki/quả hồng Nhật, ớt ngọt/ớt chuông, đậu phộng, lúa mạch, cơ, mỡ, gan và thận của lợn, bò, cừu, dê và ngựa, sữa của gia súc, cừu, dê, ngựa và trứng chim được duy trì ở MRL cho phép là 0,4 mg/kg
- Các MRL của isopyrazam được bổ sung vào Phụ lục II gồm các sản phẩm: táo (0,4 mg/kg), cà rốt (0,15 mg/kg), cà chua (0,4 mg/kg), cà tím (0,4 mg/kg), dưa chuột (0,06 mg/kg), dưa hấu (0,15 mg/kg), hạt cải dầu (0,2 mg/kg), lúa mạch đen và lúa mì (0,03 mg/kg).
- Đáng lưu ý, sau khi thay đổi phương pháp xác định MRL cho phép, mức MRL cho isopyrazam trong hoặc trên sản phẩm chuối được điều chỉnh từ 0,01 mg/kg thành 0,06 mg/kg.



(Ảnh minh họa: nguồn Internet)

Vì vậy, các doanh nghiệp xuất khẩu sang EU cần tuân thủ các ngưỡng kiểm soát để tránh vi phạm. Sự vi phạm của chỉ một vài doanh nghiệp có thể ảnh hưởng đến toàn bộ ngành và gây ảnh hưởng đến các doanh nghiệp khác.

LIÊN MINH CHÂU ÂU DỰ THẢO SỬA ĐỔI PHỤ LỤC II VÀ V THÀNH QUY ĐỊNH (EC) SỐ 396/2005 LIÊN QUAN ĐẾN MỨC DƯ LƯỢNG TỐI ĐA ĐỐI VỚI THIACLOPRID TRONG HOẶC TRÊN MỘT SỐ SẢN PHẨM NHẤT ĐỊNH

*ThS. Nguyễn Hữu Hòa
Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên*

Thông báo số G/SPS/N/EU/763 ngày 08/5/2024 của Liên minh Châu Âu dự thảo Quy định của Ủy ban sửa đổi Phụ lục II và V của Quy định (EC) số 396/2005 liên quan đến mức dư lượng tối đa đối với thiacloprid trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định (Văn bản có liên quan đến EEA).

Thiacloprid là hoạt chất mới nhất thuộc nhóm neonicotinoids. Thiacloprid là chất đối kháng với thụ thể acetyl choline nicotinic trong hệ thống thần kinh trung ương. Nó làm rối loạn hệ thống truyền tín hiệu dẫn đến kích thích tế bào thần kinh. Hậu quả là một rối loạn của hệ thống thần kinh xảy ra cuối cùng dẫn đến cái chết của côn trùng. Thiacloprid có phổ tác động rất rộng, nó có hiệu quả với cả sâu miệng nhai và chích hút. Nhưng các ứng dụng hiện nay chỉ tập trung cho các đối tượng chích hút: Rầy nâu, bọ trĩ, rệp sáp, rầy mềm, bọ nhày. Thiacloprid diệt côn trùng qua tiếp xúc và cấp tính qua đường miệng. Thiacloprid là thành phần nội hấp lưu dẫn toàn thân, hoạt động hiệu quả trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt.

Xét trên kết luận của WTO về thiacloprid là chất gây rối loạn nội tiết và có tác dụng phụ đối với hệ thống sinh sản, EU có những điều chỉnh về MRL hiện có đối với thiacloprid đồng thời đưa ra các thông tin cụ thể như sau:

- Thu hồi tất cả các giấy phép hiện có đối với thuốc bảo vệ thực vật có chứa thiacloprid. Đồng thời xoá bỏ cột thiacloprid trong phụ lục II và bổ sung vào phụ lục V của Quy định (EC) số 396/2005.

- Xác định rủi ro đối với người tiêu dùng, điều chỉnh MRL đối với đào và ớt ngọt/ớt chuông xuống mức 0,01 mg/kg.



(Ảnh minh họa: nguồn Internet)

- Đối với MRL trên đu đủ và chè, sơn trà, mơ, anh đào (ngọt), mận, dâu tây, mía, trái cây nhỏ khác và quả mọng, kiwi, khoai tây, cà chua, cà tím/cà tím, dưa, dưa hấu, hạt cải dầu/hạt cải, hạt mù tạt, gạo, lúa mì, sản phẩm động vật (lợn, bò, cừu, ngựa và các động vật trang trại khác) từ các mô (cơ, gan, thận và nội tạng ăn được), gia cầm (cơ, gan và nội tạng), sữa và trứng không xác định được rủi ro cấp tính đối với người sử dụng nhưng vẫn cần nghiên cứu thêm để quản lý rủi ro đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng.

Trên đây là các thông tin cập nhật đối với MRL của thiacloprid, việc sửa đổi mức giới hạn dư lượng (MRL) đối với hóa chất trong nông sản xuất khẩu là công việc định kỳ, được quốc gia nhập khẩu điều chỉnh nhằm đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng nước sở tại, do đó các doanh nghiệp xuất khẩu cần tuân thủ đúng các cam kết về công khai, minh bạch theo thông lệ quốc tế.

DG SANTE NÊU ĐIỀU KIỆN ĐỂ VIỆT NAM XUẤT KHẨU PHỞ BÒ SANG EU

ThS. Lưu Hồng Sơn
Trưởng Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

Những sản phẩm tổng hợp như phở bò chịu sự điều chỉnh của quy định mới (EC) 2022/2292, đòi hỏi công khai, minh bạch nhiều thông tin về xuất xứ, cơ sở chế biến.



(Nguồn: Văn phòng SPS Việt Nam)

Từ câu chuyện phở bò

Phở là món ăn truyền thống của Việt Nam được đông đảo bạn bè quốc tế yêu thích. Từ nhiều năm nay, phở đóng gói dạng khô đã được xuất khẩu sang EU. Tuy nhiên, so với việc thường thức trực tiếp, phở đóng gói chưa mang lại được độ tươi, ngon, đúng hương vị.

Đặc biệt quan tâm đến món phở bò, ông Renzo Moro, chuyên gia vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch thực vật Đại sứ quán Italia đặt câu hỏi, rằng khi nào bạn bè của ông tại châu Âu có thể thưởng thức một bát phở mang hương vị Việt Nam, với đầy đủ thịt bò, gia vị. Bởi từ ngày 15/12/2022, Quy định (EC) 2022/2292 có hiệu lực, trong đó có nhiều quy định mới về sản phẩm tổng hợp (ComP), mà phở bò là một trong những đối tượng phải chịu kiểm soát.

“Trước khi có Quy định (EC) 2022/2292, những sản phẩm như phở bò Việt Nam phân chia theo tỷ lệ sản phẩm có nguồn gốc động vật (PPAO). Tuy nhiên, điều này đã thay đổi”, ông Moro nêu vấn đề.

Những quy định liên quan tới vệ sinh, an toàn

thực phẩm tại EU do Tổng vụ Sức khỏe và An toàn thực phẩm, Ủy ban Châu Âu (DG SANTE) trực tiếp tham mưu và ban hành. Đây cũng là cơ quan đưa ra những đánh giá, cũng như thực hiện các biện pháp giám sát nhằm đảm bảo thực phẩm tại châu Âu bền vững và an toàn.



(Nguồn: Văn phòng SPS Việt Nam)

Bà Sylvie Coulon, chuyên gia cao cấp của DG SANTE thông tin, trong quy định mới (EC) 2022/2292 về sản phẩm tổng hợp, bất kỳ nguồn thực phẩm nào chỉ cần chứa thành phần có nguồn gốc từ động vật đều phải chịu điều chỉnh, do nguy cơ gia tăng dịch bệnh từ sản phẩm có nguồn gốc động vật.

EU phân biệt sản phẩm tổng hợp (ComP) và sản phẩm chế biến có nguồn gốc động vật (PPAO) như sau: Sản phẩm ComP là thực phẩm có chứa cả sản phẩm có nguồn gốc thực vật và sản phẩm chế biến có nguồn gốc động vật.

Với sản phẩm tổng hợp, Quy định (EC) 2022/2292 lại chia thành 3 cấp độ. Theo mức độ rủi ro từ thấp đến cao là: Sản phẩm chỉ chứa thịt đã chế biến và có thời gian bảo quản dài; Sản phẩm chứa thịt đã chế biến và sữa non; Sản phẩm chứa thịt, thủy sản đã chế biến, sữa hoặc có nguồn gốc từ trứng.

Quay trở lại với câu chuyện phở bò, hiện Việt Nam mới đáp ứng được các tiêu chuẩn theo Quy

định (EC) 853/2004, trong đó giới hạn thành phần chỉ bao gồm thịt đã qua chế biến và không bao gồm các thành phần khác. Do đó, trong điều kiện hiện tại Việt Nam chưa thể xuất khẩu phở bò truyền thống sang châu Âu.

Thông qua Hội nghị “Phổ biến các quy định nhập khẩu nông sản thực phẩm nguồn gốc động thực vật vào thị trường EU” mà DG SANTE phối hợp đồng tổ chức với Văn phòng SPS Việt Nam, phái đoàn EU khuyến nghị doanh nghiệp, trước khi định sản xuất sản phẩm tổng hợp để xuất khẩu vào EU, cần kiểm tra và chắc chắn mọi quy định, điều kiện có tuân thủ đúng hay không.

“Các bạn không nên đồn đoán mà cần tham vấn ý kiến của cơ quan quản lý, cơ quan chuyên môn để nắm chắc các quy định. Nếu cần, có thể liên hệ DG SANTE để tránh tình trạng hàng hóa bị trả lại hoặc tiêu hủy ở cửa khẩu”, đại diện DG SANTE đưa ra lời khuyên tới hơn 300 điểm cầu kết nối trực tuyến, là các Sở NN-PTNT, Sở Công thương, các hiệp hội, doanh nghiệp ngành hàng liên quan.



(Nguồn: Văn phòng SPS Việt Nam)

Cũng theo bà Coulon, những quy định mới về sản phẩm ComP được nhiều quốc gia quan tâm, bởi đây là nhóm có giá trị cao, có thể quảng bá thương hiệu, hình ảnh một quốc gia. Nhưng do tính phức tạp của (EC) 2022/2292 nên EU cam kết hỗ trợ mọi quốc gia thành viên WTO trong việc triển khai.

Tại buổi họp, bà Coulon đánh giá cao nỗ lực của Việt Nam trong việc kiểm soát, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm xuất khẩu sang EU, đặc biệt là sản phẩm mì ăn liền. Đây là cơ sở để EU xem xét, biểu quyết và quyết định tăng hoặc giảm tần suất hoặc đưa ra khỏi danh sách kiểm soát khẩn cấp.

Căn cứ vào việc tuân thủ tốt những quy định của EU đối với sản phẩm mì ăn liền, phía EU dự kiến đưa sản phẩm này ra khỏi danh sách tại Phụ lục I được cập nhật vào tháng 7 tới. Nếu không có gì thay đổi, DG SANTE sẽ đề xuất việc mì ăn liền Việt Nam sẽ không còn chịu tần suất kiểm tra tại cửa khẩu 20% khi nhập khẩu vào EU.

Đại diện DG SANTE cũng cho rằng, tín hiệu lạc quan từ mì ăn liền nói riêng, và các sản phẩm bún, miến, phở... đóng gói nói chung là tiền đề để một ngày không xa, người dân châu Âu được thưởng thức phở bò truyền thống của Việt Nam.

YÊU CẦU GIỚI HẠN ĐỊNH LƯỢNG THUỐC NHUỘM SUDAN CHO ỚT XUẤT KHẨU ĐÀI LOAN

ThS. Ngô Văn Phương
Viện cơ điện Nông nghiệp và công nghệ sau thu hoạch

Cùng với Trung Quốc, Thái Lan và Thổ Nhĩ Kỳ, doanh nghiệp Việt Nam phải cung cấp báo cáo thử nghiệm về thuốc nhuộm Sudan, kèm ghi chú phương pháp thử, đơn vị thử nghiệm.

Văn phòng SPS Việt Nam vừa nhận thông báo của Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (TFDA), Bộ Y tế và Phúc lợi Đài Loan về việc phát hiện thuốc nhuộm Sudan trong nhiều lô bột ớt nhập khẩu tại biên giới hoặc các điểm bán hàng, từ năm 2023 đến nay.



(Nguồn: Hiệp hội rau quả Việt Nam)

Những lô hàng này có nguồn gốc từ Trung Quốc, Thái Lan, Thổ Nhĩ Kỳ và Việt Nam. Do đó, TFDA đề xuất yêu cầu kiểm tra nhập khẩu với những sản phẩm có mã CCC là: 0904.22.00.00-1 (quả thuộc chi ớt Capsicum hoặc thuộc chi Pimenta, được nghiền nát hoặc xay) và 0904.21.90.00-3 (các loại quả khác thuộc chi ớt Capsicum hoặc chi Pimenta ở dạng khô, chưa nghiền nát hoặc chưa xay).

Theo đó, những doanh nghiệp xuất khẩu ớt thuộc 4 quốc gia kể trên (bao gồm Việt Nam) phải

cung cấp báo cáo thử nghiệm về thuốc nhuộm Sudan, kèm theo ghi chú phương pháp thử, giới hạn định lượng (LOQ), đơn vị thử nghiệm và một số thông tin liên quan.

Sudan là một chất nhuộm màu trong công nghiệp dùng để nhuộm đỏ cho plastic và các chất tổng hợp khác. Trên thế giới, thuốc nhuộm Sudan được xếp vào nhóm chất nhuộm màu gây độc, vì có khả năng gây ung thư thông qua việc làm tổn thương ADN của tế bào. Sudan có 4 loại, được đánh thứ tự từ I đến IV (màu đỏ tươi).

Thuốc nhuộm Sudan thường được dùng để thực phẩm có màu đỏ hấp dẫn, cũng như giữ màu cho thực phẩm lâu hơn. Người ta thường tìm thấy chất này trong bột ớt và bột cà ri.

Dựa trên cơ chế tác động của Sudan trên tế bào (tạo ra những chất gây đột biến, khiến tế bào tăng sinh không kiểm soát - ung thư), các nhà khoa học hầu hết đều thống nhất, rằng không có giới hạn an toàn cho Sudan. Một số quốc gia thậm chí cấm dùng chất này trong thực phẩm.

Từ cuối tháng 2/2024, Đài Loan đã hạn chế nhập khẩu mặt hàng ớt và sản phẩm từ ớt đối với hàng chục doanh nghiệp của Trung Quốc Thái Lan, Mexico và Việt Nam. Sang tháng 3, Đài Loan tiếp tục tăng cường giám sát ớt và sản phẩm từ ớt nhập khẩu.

Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam và Cây gia vị Việt Nam (VPSA) cho biết, xuất khẩu ớt tăng đột biến trong những tháng đầu năm 2024. Lũy kế 02 tháng đầu năm, Việt Nam xuất khẩu 1.618 tấn ớt, với kim ngạch đạt 3,9 triệu USD, tăng 15,8% so với cùng kỳ. Trung Quốc chiếm thị phần 87% với 1.414 tấn và Lào chiếm 9,5% với 153 tấn.

Nếu giữ tốc độ này, ớt có thể vượt kim ngạch 20 triệu USD của năm 2023.

Ớt được trồng nhiều nhất tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long, nhất là các tỉnh Đồng Tháp, An Giang, Tiền Giang, Sóc Trăng, Vĩnh Long và Trà Vinh. Với tổng diện tích trên 7.000 ha, ớt cho sản lượng khoảng 100.000 tấn một năm.

Ngoài ra, ớt còn được trồng tại Tây Nguyên. Diện tích trồng từ 4.000-5.000 ha, với sản lượng khoảng 60.000 tấn một năm.

Mỗi sào ớt cho thu hoạch hơn 1 tấn quả một năm. Với giá bán 8.000-12.000 đồng/kg, nông dân sẽ thu 8-15 triệu đồng/sào. Còn với mức giá 30.000-40.000 đồng/kg như đầu năm nay, họ đạt doanh thu 30-50 triệu đồng.

Sau khi nhận thông báo G/SPS/N/TPKM/625 từ Đài Loan, Văn phòng SPS Việt Nam đề nghị Cục Chất lượng - Chế biến và Phát triển thị trường, Cục Bảo vệ thực vật, Cục Xuất nhập khẩu, Cục An toàn thực phẩm, Hiệp hội Rau quả, Hiệp hội Hồ tiêu và Cây gia vị Việt Nam triển khai phổ biến, thực hiện yêu cầu của phía bạn, đảm bảo tuân thủ quy định của thị trường nhập khẩu.

DỰ THẢO CỦA BRAZIL VỀ NGHỊ QUYẾT 1178, NGÀY 10 THÁNG 7 NĂM 2023. CẬP NHẬT CÁC HOẠT CHẤT FLUPIRADIFURONE.

TS. Nguyễn Thành Trung
Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Dự thảo Nghị quyết 1178, ngày 10 tháng 7 năm 2023 - được thông báo trước đó thông qua G/SPS/N/BRA/2198 - đã được thông qua dưới dạng Hướng dẫn quy phạm 296, ngày 02 tháng 5 năm 2024. Quy định cập nhật các hoạt chất F69 - Flupiradifurone và T42 - Transflutrina danh sách chuyên khảo về hoạt chất Thành phần cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản theo Hướng dẫn quy chuẩn 103, ngày 19 tháng 10 năm 2021, trên Công báo Brazil.

Thuốc trừ sâu có chứa hoạt chất Flupiradifurone là sản phẩm của công ty hóa chất nông nghiệp khổng lồ Corteva, ban đầu được phát triển để thay thế cho một loại thuốc trừ sâu gây tranh cãi neonicotinoids, có liên quan đến sự suy giảm của loài ong.



(Ảnh minh họa: nguồn Internet)

Thuốc trừ sâu có chứa hoạt chất Flupiradifurone đã được Ủy ban Châu Âu (EU) phê duyệt trong khối vào năm 2015. Tuy nhiên, chỉ sau bảy năm có mặt trên thị trường, loại hóa chất này giờ đây sẽ bị hạn chế sử dụng trong nhà sau khi có báo cáo khoa học về tác động của nó đối với ong được Cục An toàn Thực phẩm Châu Âu (EFSA) cho là gây hại cho loài thụ phấn.

“Các kết luận khoa học từ EFSA cho thấy việc sử dụng chứa hoạt chất Flupiradifurone ngoài trời có thể gây hại cho quần thể ong và cần phải hành động ngay từ bây giờ để hạn chế việc sử dụng nó”, bà Stella nói đồng thời giải thích “chỉ nên cho phép sử dụng loại thuốc trừ sâu này một cách hạn chế trong môi trường khép kín”.

Theo kế hoạch, quyết định mới sẽ được ban điều hành EU sớm thông qua trong ngày một ngày hai. Tuy nhiên, ngay lập tức đã khiến Mỹ phản ứng bằng việc gửi một bức thư khiếu nại

lên Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), với lập luận rằng thuốc trừ sâu sulfoxaflor vẫn đang sử dụng rộng rãi ở nước này và nếu bị EU cấm thì họ sẽ không thể xuất khẩu hàng hóa, nông sản.

Khi được hỏi về tác động của lệnh cấm thuốc trừ sâu có chứa hoạt chất Flupiradifurone của EU đối với thương mại Mỹ và các nước thứ ba khác, một quan chức của EFSA cho biết, đề xuất tạm thời không sửa đổi mức dư lượng tối đa hiện hành (MRL).

Việc truy vết thuốc trừ sâu còn tồn dư trong các sản phẩm đã qua xử lý thường được gọi là dư lượng. Theo đó, mức dư lượng tối đa (MRL) là mức dư lượng thuốc trừ sâu cao nhất được chấp nhận hợp pháp trong hoặc trên thực phẩm hoặc thức ăn khi thuốc trừ sâu được sử dụng đúng cách. “Do đó, quyết định mới sẽ không ảnh hưởng ngay đến thương mại hàng hóa nông sản”, đại diện EFSA nói.

Động thái hạn chế sử dụng thuốc trừ sâu có chứa hoạt chất Flupiradifurone đã được nhiều nhóm bảo vệ môi trường hoan nghênh. “Kể từ khi được phê chuẩn, rõ ràng là hóa chất này đã gây ra rủi ro to lớn cho các loài thụ phấn ở EU”, Martin Daction, quan chức chính sách về môi trường và sức khỏe tại mạng lưới Hành động Thuốc trừ sâu PAN Europe khẳng định và cho biết thêm rằng lẽ ra chúng ta phải áp dụng nguyên tắc phòng ngừa và không bao giờ phê duyệt nó.



Transfluthrin

(Ảnh minh họa: nguồn Internet)

Transfluthrin là một loại thuốc trừ sâu pyrethroid phổ rộng, thường được phân loại là chất diệt khuẩn và được sử dụng trong các tình huống vệ sinh công cộng và gia đình để kiểm soát bướm đêm, muỗi, ruồi - cũng giết chết ấu trùng và trứng của chúng.

Transfluthrin có thể được sử dụng trong môi trường trong nhà chống ruồi, muỗi và gián. Nó là một chất tương đối dễ bay hơi và hoạt động như một tác nhân tiếp xúc và hít thở. Transfluthrin là một pyrethroid thuốc trừ sâu với độ bền thấp. Nó có thể được sử dụng trong môi trường trong nhà chống ruồi, muỗi và gián. Khi bạn đang sử dụng hóa chất này, hãy thận trọng vì nó không chỉ gây kích ứng da mà còn rất độc hại đối với sinh vật dưới nước, có thể gây ra tác dụng phụ lâu dài trong môi trường nước.

Transfluthrin có nhiều loại thuốc trừ sâu và có thể ngăn ngừa và kiểm soát hiệu quả các loài gây hại cho sức khỏe và bảo quản; Nó có tác dụng hạ gục nhanh chóng các loài côn trùng thuộc loài lưỡng cư như muỗi và có tác dụng tồn lưu tốt đối với gián và rệp. Nó có thể được sử dụng trong nhiều công thức khác nhau như nhang muỗi, thuốc trừ sâu dạng xịt, nhang muỗi điện, v.v

Việc giải phóng có kiểm soát chất transfluthrin có hiệu quả trong việc ngăn chặn

nhiều loài muỗi tiến vào địa điểm thử nghiệm. Transfluthrin là một loại thuốc diệt côn trùng hữu cơ được đánh giá là an toàn với người và động vật. Một nhóm nghiên cứu ra "Thiết bị loại bỏ nhu cầu sử dụng thuốc chống côn trùng tại chỗ hoặc phun thuốc trên khu vực mở, có thể gây ô nhiễm thảm thực vật hoặc vùng nước xung quanh và ảnh hưởng xấu đến các loài thụ phấn có lợi như ong, bướm. Thiết bị mới rất linh hoạt, di động, dễ triển khai và không cần điện hay nhiệt để kích hoạt", Rajagopal cho biết.

Thiết bị thụ động phun thuốc có kiểm soát được làm bằng nhựa polypropylene hình ống dài 2,5 cm, gồm hai ống nhỏ hơn và bông cotton chứa chất chống côn trùng. Nhóm nghiên cứu gắn 70 thiết bị ở cửa một chiếc lều quân sự lớn bằng dây câu. Họ cũng theo dõi một chiếc lều khác tương tự nhưng không gắn thiết bị. Rajagopal cho biết, muỗi được thả ở nhiều điểm khác nhau bên ngoài lều và hầu hết bị tiêu diệt hoặc đẩy lùi trong vòng 24 giờ.

Thử nghiệm cho thấy nguyên mẫu thiết bị đã tạo ra một không gian chống muỗi trong 04 tuần. Tuy nhiên sản phẩm cuối cùng sẽ được sản xuất bằng công nghệ in 3D và tăng thời gian lên 03 tháng.

NHẬT BẢN SỬA ĐỔI CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT VÀ TIÊU CHUẨN CHO THỰC PHẨM, PHỤ GIA THỰC PHẨM, V.V.

ThS. Lưu Hồng Sơn
Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

C hính phủ Nhật Bản sẽ sửa đổi các thông số kỹ thuật đối với nhựa tổng hợp dùng cho thiết bị, hộp đựng và bao bì thực phẩm (viết tắt là ACP).



(Ảnh minh họa: nguồn Internet)

Theo Điều 18, đoạn (1) của Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Đạo luật số 233 năm 1947), Thủ tướng Chính phủ có thể thiết lập các thông số kỹ thuật cho ACP hoặc nguyên liệu thô của nó, hoặc có thể thiết lập các tiêu chuẩn cho phương pháp sản xuất của nó, bằng cách nghe ý kiến của ý kiến của Hội đồng Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm. Các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn được quy định trong thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia Thực phẩm, v.v. (theo Thông báo Công khai của Bộ Y tế và Phúc lợi số 370 năm 1959; “Thông số kỹ thuật và Tiêu chuẩn”).

Các Thông số kỹ thuật và Tiêu chuẩn chỉ ra rằng, đối với các chất là nguyên liệu thô được quy định tại điều 1 của Lệnh thực thi đạo luật vệ sinh thực phẩm (nhựa tổng hợp), số lượng được phép chứa trong ACP được sản xuất bằng cách sử dụng các chất đó hoặc số lượng được phép chứa được rửa giải hoặc thấm vào thực phẩm từ ACP được thể hiện theo chất trong Bảng 1 đính kèm trong thông báo công khai. Danh sách này có hiệu lực vào ngày 01 tháng 6 năm 2020.

Vào ngày 30 tháng 11 năm 2023, danh sách tích cực sửa đổi đã được ban hành. Theo Danh sách này, một số chất được bổ sung vào như: polymer tạo thành bởi 2-hydroxyethyl acrylate / butyl acrylate (tối đa 1% ở các nhóm nhựa tổng hợp); este của acid phosphinic với cồn alkyl etoxyl hóa/ muối natri (tối đa 0,50% ở các nhóm nhựa tổng hợp)

Nội dung sửa đổi có thể tham khảo tại website:

https://www.caa.go.jp/policies/policy/standards_evaluation/appliance/positive_list_new/assets/cms_standards102_240426_01.pdf

Danh sách sửa đổi này sẽ được hoàn thiện và thực thi vào ngày 01 tháng 6 năm 2025.



(Khay nhựa đựng cơm: nguồn Internet)

DỰ THẢO QUY ĐỊNH CỦA ỦY BAN SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH (EC) SỐ 2073/2005 LIÊN QUAN ĐẾN LISTERIA MONOCYTOGENES (VĂN BẢN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN EEA)

ThS. Nguyễn Hữu Hòa
Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

Liên quan đến Hiệp ước về chức năng của Liên minh Châu Âu, căn cứ Quy định (EC) số 852/2004 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ngày 29 tháng 4 năm 2004 về vệ sinh thực phẩm, Trong Điều 4(4) nêu rõ:

(1) Quy định của Ủy ban (EC) số 2073/2005 đặt ra các tiêu chí vi sinh đối với một số vi sinh vật nhất định và các quy tắc thực hiện mà các nhà hoạt động kinh doanh thực phẩm phải tuân thủ đối với các yêu cầu vệ sinh chung và cụ thể được đề cập tại điều 4 của Quy định (EC) số 852/2004.



(Thực phẩm ăn liền: nguồn Internet)

(2) Đặc biệt, Quy định (EC) số 2073/2005 đưa ra các tiêu chí an toàn thực phẩm, trong đó xác định khả năng chấp nhận một sản phẩm hoặc một lô thực phẩm áp dụng cho các sản phẩm được đưa ra thị trường. Quy định đó đưa ra các tiêu chí an toàn thực phẩm đối với *Listeria monocytogenes*, một loại mầm bệnh lây truyền qua thực phẩm chính gây nguy cơ nghiêm trọng cho sức khỏe cộng đồng do tỷ lệ tử vong cao. Trong báo cáo mới nhất về bệnh lây truyền từ động vật sang con người, Cơ quan an toàn thực phẩm Châu Âu ('Cơ quan') đã quan sát thấy rằng số ca mắc bệnh listeriosis ở người tại Liên minh vào năm 2022 cao hơn 15,9% so với năm 2021

và số ca tử vong do bùng phát dịch bệnh do thực phẩm và do *Listeria monocytogenes* gây ra ở Liên minh Châu Âu trong năm 2022 là một trong những con số cao nhất từng được báo cáo cho Cơ quan quản lý trong mười năm qua. Trước sự gia tăng các ca bệnh listeriosis ở Liên minh, điều quan trọng là các tiêu chí an toàn thực phẩm đối với *Listeria monocytogenes* có thể mang lại mức độ bảo vệ cao và nhất quán cho người tiêu dùng trong toàn bộ chuỗi thực phẩm.

(3) Nguy cơ mắc bệnh listeriosis qua thực phẩm bị ảnh hưởng bởi cả tính nhạy cảm cá nhân của người tiêu dùng và khả năng thực phẩm bị ô nhiễm tạo điều kiện cho *Listeria monocytogenes* phát triển ở mức cao. Trẻ sơ sinh và người tiêu dùng có khả năng phòng vệ miễn dịch yếu vì đang mắc bệnh, rối loạn hoặc tình trạng y tế rất dễ bị nhiễm vi khuẩn *Listeria monocytogenes* và không thể tiếp xúc với thực phẩm có chứa mầm bệnh này ở bất kỳ nồng độ nào. Đối với những người tiêu dùng khác, khoa học đã công nhận rằng chỉ ăn thực phẩm chứa nồng độ *Listeria monocytogenes* vượt quá giới hạn 100 cfu/g mới có khả năng gây hại cho sức khỏe.



(Hình chụp *Listeria monocytogenes* bằng kính hiển vi điện tử quét: nguồn Internet)

Do đó, thực phẩm ăn liền, không phải thực phẩm dành cho trẻ sơ sinh và dành cho mục đích y tế đặc biệt, có thể tạo điều kiện cho *Listeria monocytogenes* phát triển vượt quá giới hạn 100 cfu/g trong suốt thời hạn sử dụng của chúng là nhóm mặt hàng thực phẩm nhạy cảm cần tập trung vào các biện pháp giảm thiểu rủi ro.

(4) Theo Quy định (EC) số 2073/2005, không được phát hiện sự hiện diện của *Listeria monocytogenes* trong 25g thực phẩm ăn liền có thể hỗ trợ sự phát triển của *Listeria monocytogenes*, trừ những thực phẩm dành cho trẻ sơ sinh và cho các mục đích y tế đặc biệt, trước khi chúng rời khỏi sự kiểm soát trực tiếp của nhà sản xuất kinh doanh thực phẩm khi nhà sản xuất kinh doanh thực phẩm đó không thể chứng minh, trước sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền, rằng mức *Listeria monocytogenes* sẽ không vượt quá giới hạn 100 cfu/g trong suốt quá trình sản xuất, thời hạn sử dụng của thực phẩm liên quan. Tuy nhiên, Quy định (EC) số 2073/2005 không đưa ra tiêu chí áp dụng cho những thực phẩm đó một khi chúng đã rời khỏi sự kiểm soát trực tiếp của nhà hoạt động kinh doanh thực phẩm sản xuất trong thời gian đó vẫn không thể đảm bảo rằng giới hạn 100 cfu/g sẽ không bị vượt quá trong suốt thời hạn sử dụng của chúng.



(Thực phẩm ăn liền: nguồn Internet)



(Ảnh minh họa: nguồn Internet)

(5) Để đảm bảo mức độ bảo vệ sức khỏe cộng đồng như nhau từ sản xuất đến phân phối đối với thực phẩm ăn liền không phải dành cho trẻ sơ sinh và cho các mục đích y tế đặc biệt có thể hỗ trợ sự phát triển của *Listeria monocytogenes*, tiêu chí an toàn thực phẩm “*Listeria monocytogenes* không được phát hiện trong 25 g” nên áp dụng cho tất cả các trường hợp khi những thực phẩm đó được đưa ra thị trường trong thời hạn sử dụng và nhà sản xuất kinh doanh thực phẩm không thể chứng minh được, trước sự hài lòng của cơ quan có thẩm quyền, rằng mức *Listeria monocytogenes* sẽ không vượt quá giới hạn 100 cfu/g trong suốt thời hạn sử dụng của chúng.

(6) Để cho phép các nhà hoạt động kinh doanh thực phẩm có đủ thời gian điều chỉnh các hoạt động và thủ tục của họ cho phù hợp với yêu cầu mới, Quy định này không được áp dụng trước ngày 01 tháng 01 năm 2026. Quy định này sẽ có tính ràng buộc toàn bộ và được áp dụng trực tiếp ở tất cả các Quốc gia Thành viên.

CHI LÊ DỰ THẢO BIỆN PHÁP SỬA ĐỔI NGHỊ QUYẾT SỐ 7.214 NĂM 2014 THIẾT LẬP CÁC YÊU CẦU KIỂM DỊCH THỰC VẬT ĐỐI VỚI VIỆC NHẬP KHẨU MỘT SỐ LOÀI VÀ LOẠI CÂY CẢNH ĐỂ TRỒNG, BẤT KỂ NGUỒN GỐC NÀO, VÀ BÃI BỎ NGHỊ QUYẾT SỐ 7.312 NĂM 2023

*TS. Nguyễn Thành Trung
Học viện Nông nghiệp Việt Nam*



(Cây cảnh: nguồn Internet)

Dự thảo biện pháp được thông báo thiết lập các yêu cầu về kiểm dịch thực vật đối với các loại cây có tên khoa học sau: *Adenium obesum*, *Dionaea muscipula*, *Dipladenia sanderi*, *Duboisia leichhardtii*, *Duboisia myoporoides*, *Fagus sylvatica*, *Hibiscus rosasinensis*, *Hylocereus trigonus*, *Lagerstroemia indica*, *Magnolia grandiflora*, *Myrsine africana*, *Nerium oleander*, *Pachira aquatica*, *Selaginella lepidophylla* và *Viburnum tinus* để trồng, bất kể nguồn gốc nào;

Quy định này thiết lập các yêu cầu đối với loài thuộc họ *Cau* *Arecaceae* hiện đang được quản lý liên quan đến *Rhynchophorus ferrugineus*, một loài gây hại kiểm dịch không có ở Chile. *Arecaceae* là một loài côn trùng trong họ *Bọ vòi voi*, sinh sống ở các vùng nhiệt đới thuộc châu Á, loài này được biết đến như đuông dừa, đuông chà là, một cọt đỏ

Quy định này quy định rằng tất cả vật liệu thực vật chủ của *Opogona sacchari* và *Xylella fastidiosa* đến từ các quốc gia có những loài gây hại này phải đáp ứng các yêu cầu kiểm dịch sau khi nhập cảnh;

Đối với một số loài thực vật, các yêu cầu liên quan đến sâu bệnh hiện có trong nước đã được gỡ bỏ, theo thông tin do các đơn vị kỹ thuật của SAG cung cấp;

Đối với một số loài thực vật, theo thông tin do các đơn vị kỹ thuật của SAG cung cấp, đã có thêm nhiều loại sâu bệnh được bổ sung.



(Ảnh minh họa: nguồn Internet)

NIU DI-LÂN ĐƯA RA CÁC TIÊU CHUẨN SỨC KHỎE NHẬP KHẨU ĐỐI VỚI HẠT GIỐNG ĐỂ GIEO TRỒNG (155.02.05)

ThS. Ngô Văn Phương
Viện cơ điện Nông nghiệp và công nghệ sau thu hoạch

Bộ các ngành công nghiệp cơ bản (MPI) Niu Di-lân đề xuất những thay đổi sau đây đối với Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu cho hạt giống để gieo trồng (155.02.05), cụ thể như sau:

1. Thêm lựa chọn đối với hạt giống đến từ vùng không có dịch hại theo ISPM 8.

2. Thay đổi các yêu cầu trong mục 33, Phần 2 của Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu. Phụ lục bao gồm các loài thực vật: *Acrocomia*, *Agropyron*, *Arachis hypogaea*, *Avena*, *Beta*, *Camellia sinensis*, *Cannabis sativa*, *Capsicum*, *Cicer*, *Cocos*, *Coriandrum*, *Corypha*, *Cuminum*, *Elaeis*, *Glebionis*, *Glycine*, *Hordeum*, *Lavandula*, *Livistona*, *Medicago*, *Petunia*, *Phaseolus*, *Phoenix*, *Pisum*, *Sesamum*, *Solanum*, *Solanum lycopersicum*, *Cao lương*, *Trigonella foenum-graecum*, *Triticum*, *Vicia* và *Zea*.



(Ảnh minh họa: nguồn Internet)

3. Thay đổi cách diễn đạt trong khai báo bổ sung về dịch hại từ "not known to occur" thành "the seeds are produced in an area where [pest] is absent".

4. Thay đổi các yêu cầu trong mục 18, Phần 2 của Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu. Các phụ lục bao gồm: *Capsicum*, *Carpinus*, *Carya*, *Castanea*, *Citrus*, *Cucumis*, *Cucurbitaceae*, *Desmodium*, *Eriobotryia*, *Helianthus*, *Juglans*, *Lens*, *Lithocarpus densiflorus*, *Medicago*, *Nicotiana tabacum*, *Quercus*, *Ulmus* và *Vigna*.

5. Thay đổi yêu cầu nhập khẩu hạt giống có nguồn gốc Niu Di-lân tại mục 1.7 của Tiêu chuẩn.

6. Loại bỏ các loài gây hại sau đây trong Phần 2 của Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu:

- *Claviceps gigantea* và *Cochliobolus tuberculatus* trong, nhóm *Zea*;
- *Cochliobolus miyabeanus* trong, nhóm *Phaseolus*;
- *Highplains virus* trong nhóm *Avena*, *Hordeum* và *Triticum*;
- *Curvularia verruculosa* trong, nhóm *Triticum*;
- *Grapevine yellow speckle viroid 2* từ nhóm *Vitis*.

7. Bổ sung việc kiểm tra hạt giống (từ nước ngoài hoặc khi mới đến Niu Di-lân) không bắt buộc cho biện pháp kiểm dịch thực vật trong Phần 2 của Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu, đối với:

- *Xanthomonas campestris* pv. *undulosa* trong nhóm *Avena*, *Hordeum* và *Triticum*;
- *Pseudomonas syringae* pv. *striaefaciens* trong nhóm *Hordeum*;
- *Rathayibacter tritici* trong nhóm *Hordeum* và *Triticum*;
- *Xanthomonas campestris* pv. *sesami* trong nhóm *Sesamum*;
- *Curtobacter flaccumfaciens* pv. *flaccumfaciens* và *Xanthomonas campestris* pv. *vignicola* trong nhóm *Vigna*.

8. Tăng cỡ mẫu khảo nghiệm hạt *Arachis hypogaea* *Ralstonia pseudosolanacearum* từ 400 hạt lên 4.000 hạt.

9. Bổ sung yêu cầu khảo nghiệm *Tomato black ring virus* với hạt *Rubus* và nhóm *Vitis*.

10. Danh sách *Rumex sanguineus* đủ điều kiện nhập khẩu vào Niu Di-lân theo các yêu cầu nhập khẩu cơ bản.

11. Bỏ yêu cầu người nhập khẩu khai báo lô hàng hạt giống không thuộc các giống Beta Vulgarisvar. rapacea: Kyros: 16UB128, Bangor 16UB126, Bangor 15UB079, Bangor 16UB114.

(Ảnh tham khảo: nguồn Internet)



EU ĐƯA RA DỰ THẢO SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH THỰC HIỆN (EU) SỐ 1321/2013 LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC XÓA CÁC MỤC SF-001 ĐẾN SF-010 KHỎI DANH SÁCH CÁC SẢN PHẨM CHÍNH TẠO HƯƠNG LIỆU KHÓI ĐƯỢC CẤP PHÉP CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU

TS. Phạm Diệu Thùy
Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

Dự thảo loại bỏ các sản phẩm chính tạo hương liệu khói khỏi danh sách được ủy quyền của Liên minh châu Âu. Ngày 28/9/2023. Cơ quan An toàn Thực phẩm châu Âu căn cứ ý kiến khoa học về độ an toàn của các sản phẩm chính tạo hương liệu khói, gồm: SF-001 (Scan smoke PB 1110), SF-002 (Zesti Smoke Code 10), SF-003 (Smoke Concentrate 809045), SF-004 (Scansmoke SEF 7525), SF-005 (SmokEz C-10), SF-006 (SmokEz Enviro-23), SF-008 (ProFagus-Smoke R709) và SF-009 (Fumokomp), sẽ không cấp phép gia hạn đối với các sản phẩm SF-007 (Tradismoke) và SF-010 (AM 01). Việc sử dụng hương liệu khói trong thực phẩm chỉ được phép nếu được chứng minh không gây nguy hiểm cho con người. Vì vậy, việc gia hạn cấp phép cho các sản phẩm: SF-001, SF-002, SF-003, SF-004, SF-005, SF-006, SF-008 và SF-009 sẽ bị từ chối nếu không đủ cơ sở khoa học chứng minh không gây nguy hiểm cho con người.

Do không có sản phẩm nào trong số mười sản phẩm được liệt kê trong danh sách các sản phẩm chính tạo hương liệu khói của Liên minh châu Âu được cấp phép, nên Liên minh sẽ hủy bỏ các tham chiếu có liên quan tại Phụ lục Quy định của Ủy ban (EU) số 1321/2013. Để cho phép quá trình

chuyển đổi thuận lợi, thực phẩm có chứa hương liệu khói SF-001, SF-002, SF-003, SF-004, SF-005, SF-006, SF-008 hoặc SF-009 có thể tiếp tục được đưa ra thị trường và duy trì trên thị trường cho đến hạn sử dụng tối thiểu hoặc thời hạn sử dụng nếu chúng được đưa ra thị trường cho đến:

- Ngày 01/7/2029 đối với các loại thực phẩm 1.7 (pho mát và các sản phẩm pho mát), 8 (thịt), 9.2 (cá và các sản phẩm thủy sản đã qua chế biến bao gồm động vật giáp xác và động vật thân mềm), 9.3 (trứng cá) và các danh mục phụ tương ứng.
- Ngày 01/7/2026 đối với tất cả danh mục thực phẩm khác.



(Ảnh tham khảo: nguồn Internet)

VƯƠNG QUỐC ANH ĐƯA RA THÔNG BÁO VỀ MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG MỤC TIÊU BIÊN GIỚI VƯƠNG QUỐC ANH - THỰC HIỆN THÁNG 4

TS. Nguyễn Tiến Đạt
Trưởng Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

Ngày 24/4/2024, Vương quốc Anh đưa ra thông báo số G/SPS/N/GBR/30/Add.5 nhằm thông báo cho Ủy ban SPS của WTO về công bố phiên bản cuối cùng của Mô hình hoạt động mục tiêu biên giới (BTOM) trong đó nêu rõ quy định SPS mới. Các biện pháp trong BTOM áp dụng đối với việc nhập khẩu động vật sống, sản phẩm thực phẩm nảy mầm, sản phẩm động vật, thực vật và sản phẩm thực vật cũng như thực phẩm có nguy cơ cao không có nguồn gốc từ động vật vào Vương quốc Anh và đặt ra mốc thời gian thực hiện từ tháng 01/2024.

Như đã nêu trong BTOM, Vương quốc Anh sẽ triển khai luật trong hai Văn kiện pháp lý (SI) để thực hiện giai đoạn thứ hai của BTOM từ ngày 30/4/2024, như sau:

- Kiểm tra tài liệu, kiểm tra tại chỗ và danh tính đang được áp dụng đối với các sản phẩm động vật có mức độ rủi ro trung bình và cao được nhập khẩu vào Vương quốc Anh từ các quốc gia thuộc Liên minh Châu Âu (EU) và Hiệp định Thương mại Tự do Châu Âu (EFTA) (không bao gồm những hàng hóa được nhập khẩu từ Ireland). Tần suất kiểm tra đối với các sản phẩm động vật sẽ phù hợp với mô hình phân loại rủi ro.
- Đối với thực vật và sản phẩm thực vật, việc kiểm tra thực tế và nhận dạng hàng hóa từ Liên minh Châu Âu, Thụy Sĩ và Liechtenstein sẽ được chuyển đến Trạm kiểm soát biên giới (BCP) và Điểm kiểm soát (CP). Thực vật và sản phẩm thực vật có mức độ rủi ro trung bình và cao từ Liên minh Châu Âu phải qua điểm đầu vào có BCP liên quan. Việc kiểm tra thực vật/sản phẩm thực vật có nguy cơ cao từ Liên minh châu Âu sẽ chuyển từ điểm đến (PoD) sang BCP và CP.

Việc đơn giản hóa một số yêu cầu nhập khẩu từ các nước ngoài EU sẽ được áp dụng, bao gồm

- Loại bỏ việc kiểm tra thường xuyên đối với các sản phẩm động vật, thực vật, thực vật có nguy cơ thấp từ các nước EU và ngoài EU;
- Giảm mức độ kiểm tra thực tế và nhận dạng đối với các sản phẩm động vật có nguy cơ trung bình từ các nước ngoài EU;
- Loại bỏ điều kiện cấp đồng sâu mặc định đối với các chế phẩm thịt, cho phép quản lý bằng chứng nhận sức khỏe từ ngày 30/4/2024.

Trong khoảng thời gian ba tháng kể từ ngày 30/4/2024, việc nói lỏng tạm thời sẽ cho phép đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của kiểm tra tài liệu khi bản sao chụp của Giấy chứng nhận sức khỏe xuất khẩu (EHC) hoặc Giấy chứng nhận Kiểm dịch thực vật (PC) gốc được cung cấp trong hồ sơ của nhà nhập khẩu nhưng phải được thông báo trước. Trong trường hợp cung cấp bản sao chụp, bản gốc EHC hoặc PC phải được cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền trong vòng năm hoặc ba ngày làm việc kể từ khi lô hàng đến. Việc nói lỏng tạm thời sẽ chỉ áp dụng cho EHC đối với các sản phẩm động vật và phụ phẩm từ Liên minh Châu Âu – cũng như cho PC dành cho thực vật và sản phẩm thực vật từ Liên minh Châu Âu, Liechtenstein và Thụy Sĩ. Lưu ý đến tính chất hạn chế về thời gian giới hạn của việc nói lỏng, các nhà nhập khẩu nên tiếp tục áp dụng chứng nhận số hóa hoàn toàn càng sớm càng tốt để giảm yêu cầu phải kiểm tra tài liệu trực tiếp tại biên giới sau thời hạn nói lỏng.



(Ảnh tham khảo: nguồn Internet)

Phụ lục 11 của Quy định gồm có 3 phần:

- Phần A liệt kê các hàng hóa thực vật có nguy cơ cao và trung bình gây ra mối đe dọa hiện hữu, cần có giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và phải kiểm tra 100% khi nhập khẩu (trừ khi áp dụng mức kiểm tra giảm).
- Phần B liệt kê những hàng hóa có nguy cơ trung bình cần có giấy chứng nhận KDTV vì chúng gây ra mối đe dọa tiềm tàng nhưng hiện chưa có đủ bằng chứng để phân loại vào Phần A hoặc Phần C của Phụ lục 11.
- Phần C bao gồm danh sách các sản phẩm thực vật có rủi ro thấp không thuộc diện kiểm soát sức khỏe thực vật, ví dụ: quả chuối, quả dứa.



VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

Địa chỉ: Toà nhà A3, số 10, Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024-37344764

Email: spsvietnam@mard.gov.vn

Website: <http://www.spsvietnam.gov.vn>

